

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Trương Hoài Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2017/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Kim H**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 198/12, đường T, phường B, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Hiện cư trú tại: Số 142, đường H, Khu phố P, phường H, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng V**, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 142, đường H, Khu phố P, phường H, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Kim H trình bày: Bà và ông V tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2015, do điều kiện công việc của

ông V hay đi đánh bắt hải sản xa bờ, khi về đến nhà thì hai người thường hay mâu thuẫn nên đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Bà và ông V bắt đầu mâu thuẫn từ đầu năm 2016 và sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông V đam mê cờ bạc nên bà và ông V thường xuyên cự cãi, đôi lúc ông V còn đánh đập bà nên hai người không còn tình cảm với nhau. Bà và ông V đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Kim Ng, sinh ngày 08/3/2016. Bà tự nguyện giao người con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại bản tự khai lập ngày 23/10/2017, bị đơn – ông Trần Hoàng V trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Kim H do ông còn thương vợ, thương con. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa ông và bà H có cự cãi nhau nhưng ông không có tham gia chơi cờ bạc, đá gà như bà H đã nêu trong đơn khởi kiện. Quá trình chung sống, ông và bà H có 01 người con chung tên Trần Kim Ng, sinh ngày 08/3/2016, ông xin được nuôi con do nghề nghiệp của ông là thuyền trưởng tàu cá nên có điều kiện nuôi con tốt hơn bà H, hai người không có nợ chung, riêng về tài sản chung thì ông yêu cầu tự thỏa thuận.

- Tại biên bản xác minh nội dung sự việc lập ngày 20/10/2017, bà Trần Kim S cung cấp thông tin như sau: Bà là chị ruột của bà Trần Kim H còn ông Trần Hoàng V là em rể của bà. Vào tháng 6/2017, bà chuyển đến thuê ở trọ tại nhà trọ Năm Trù gần nhà của bà H và ông V. Từ khi chuyển đến đây sinh sống, bà thường xuyên thấy bà H và ông V cự cãi, có lúc ông V còn đánh bà H và đập phá đồ đạc trong nhà, bà có khuyên răn nhưng sự việc vẫn cứ tiếp diễn. Quá trình chung sống, ông V và bà H có 01 người con chung tên Trần Kim Ng, sinh năm 2016, bà cũng thường hay giữ con giùm cho bà H, nhưng cách nay khoảng 01 tháng thì ông V có đến chở con đi chơi rồi đem đi luôn cho đến thời điểm này, bà không biết đi đâu.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, không công nhận bà H và ông V là vợ chồng, ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc giao con chung cho ông V nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Trần Kim H yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Trần Hoàng V nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Trần Hoàng V có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – bà Trần Kim H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - ông Trần Hoàng V.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn và các vấn đề khác:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H xác định bà và ông V tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2015, do điều kiện công việc của ông V hay đi đánh bắt hải sản xa bờ, khi về đến nhà thì hai người thường hay mâu thuẫn nên đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn; mặt khác, ông V cũng không có ý kiến phản đối sự kiện nêu trên mà bà H đã đưa ra; căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đủ cơ sở xác định sự kiện bà H và ông V chung sống với nhau nhưng

không có đăng ký kết hôn là sự thật. Như vậy, việc xác lập mối quan hệ hôn nhân trên thực hiện không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “*về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình*”, quyết định không công nhận bà H và ông V là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà H và ông V thống nhất xác định có 01 người con chung tên Trần Kim Ng, sinh ngày 08/3/2016. Ông V có yêu cầu nuôi con, bà H đồng ý, tự nguyện giao người con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc nuôi con chung, giao người con chung tên Trần Kim Ng, sinh ngày 08/3/2016 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình thụ lý giải quyết, ông V không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung; tại phiên tòa, ông V vắng mặt, bà H có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Nếu giữa ông V và bà H có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác định không có, ông V xác định có tài sản và đề nghị để ông và bà H tự thỏa thuận. Do ông V không tranh chấp về tài sản chung và cũng không cung cấp tài liệu, chứng minh là có nguồn tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông V thống nhất xác định quá trình chung sống cho đến nay, hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Trần Kim H phải chịu nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “*về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình*”;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Trần Kim H và ông Trần Hoàng V là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Trần Kim Ng, sinh ngày 08/3/2016 cho ông Trần Hoàng V trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông V xác định không tranh chấp, nên không xem xét.

2. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn – bà Trần Kim H phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009533 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, nên bà H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoài Khanh

Lê Thị Mỹ

Đào Đức Luân